

CHẾ ĐỘ TƯƠNG TỰ THỜI VUA SEJONG (1418 - 1450) VÀ MỘT VÀI LIÊN HỆ VỚI CHẾ ĐỘ HỒI TỰ THỜI VUA LÊ THÁNH TÔNG (1460 - 1497)

Shin Seung Bok

NCS Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Chế độ tương tự ở Hàn Quốc bắt đầu từ thời Goryeo và phạm vi của nó được mở rộng trong thời kỳ vua Sejong dưới triều đại Joseon, sau đó được luật hóa trong *Kinh quốc đại điển*. Tùy từng trường hợp, việc áp dụng nguyên tắc tương tự với các đối tượng có khi được áp dụng trên phạm vi rộng, có khi lại được thu hẹp khi ngoại trừ một số đối tượng trong quân ngũ hoặc các lĩnh vực đặc thù. Chế độ tương tự có vai trò tích cực trong việc tăng cường quyền lực của vua và ngăn chặn hành vi bất chính của quan lại. Tuy nhiên, chế độ này cũng bất đắc dĩ trở thành yếu tố cản trở việc trưng dụng các nhân tài xuất sắc. Mặt khác, một bộ phận quan lại cũng lấy cớ thực hiện chế độ tương tự mà làm việc không nghiêm chỉnh và thiếu hiệu quả. Trong lịch sử Đại Việt, chế độ hồi tự lần đầu tiên được áp dụng dưới thời vua Lê Thánh Tông. Việc thi hành chế độ này dưới thời vua Lê Thánh Tông khi đặt trong sự liên hệ với chế độ tương tự thời vua Sejong có một số điểm tương đồng và khác biệt, đặc biệt là đối tượng áp dụng thi hành.

Từ khóa: Sejong, Lê Thánh Tông, tương tự, hồi tự, Kinh quốc đại điển.

1. Mở đầu

Ở Việt Nam, việc không cho những người có quan hệ huyết thống, đồng hương, thầy trò, bạn bè được cùng làm quan hay làm việc ở một địa phương, công sở được hiểu là hồi tự (nghĩa đen “hồi” là trở về, “tự” là tránh/lánh ra). Ở Hàn Quốc, một chế độ tương tự như vậy được theo âm Hán Việt là “tương tự”. Đây là chế độ “không cho phép những người có quan hệ thân tộc trong phạm vi nhất định được bổ nhiệm làm việc ở một quan ty hoặc ở quan ty có quan hệ thống thuộc (trên dưới), hoặc là không làm quan coi việc kiện tụng và quan thí thời Goryeo và Joseon” [1].

Chế độ tương tự ở Hàn Quốc lần đầu tiên được ghi chép trong cuốn *Cao Ly sử (năm 1451)*. Trong *Cao Ly sử*, mục “Hình pháp chí/ Tương tự thức” đã ghi chép về phạm vi, đối tượng cụ thể áp dụng chế độ tương tự là bản tộc (14 đối tượng), thân tộc (10 đối tượng), ngoại tộc (5 đối tượng) và đối tượng quan chức phải áp dụng là *đài tinh* (gồm các Đài quan thuộc Ngự sử đài và Tỉnh lang thuộc Trung thư môn hạ tinh) và *chính tào* (gồm các quan nha phụ trách việc bổ nhiệm và miễn nhiệm quan lại ở bộ Lại và bộ Binh). Sau khi vương triều Joseon được thành lập năm 1392, cộng thần khai quốc và cựu thần nắm trong tay nhiều quyền lực nên trong bộ máy quan chức triều đình, nhiều quan chức là thân tộc và người có quan hệ thầy trò đã được bổ nhiệm các chức vị khác nhau. Sau khi vua Thejong (1401-1418) - còn gọi là Thái Tông, cha của vua Sejong lên ngôi cai trị, ông đã thi hành nhiều chính sách để tăng cường tính tập quyền ở trung ương, trong đó có chế độ tương tự mở rộng hơn. Vua Sejong là người đã hoàn thành chế độ tương tự bằng cách mở rộng và đặt ra những quy định chặt chẽ hơn so với thời Goryeo. Nội dung của chế độ này đã được pháp điển hóa và chép trong *Kinh quốc đại điển* [2].

Chế độ tương ty ở Hàn Quốc đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu. Ngay từ những năm 70 của thế kỉ trước, Han Sang Jun (1975) đã đề cập đến chế độ này qua công trình *Nghiên cứu về chế độ tương ty thời Joseon – vấn đề trung tâm của bộ máy quan chức* đăng trên *Tạp chí Sử học Dae Gu* số 9 [3]. Đến những năm 2000, việc nghiên cứu về chế độ này tiếp tục được đề cập đến trong một số công trình của các tác giả như: Park Cheon Woo, Lee Ghi Myong (2000), *Sự triển khai và tác dụng của luật hồi ty thời đầu Joseon*, *Tạp chí khoa học Jang An*, tập 20, số 1, tr.43-72 [4]; Lee Seong Mu (2003), *Nghiên cứu về Yang Ban (Ban Văn và Ban Võ - TG) đầu thời Joseon*, *Tạp chí KSI - Thông tin Hàn Quốc học*, Seoul; Lee Ghi Myong (2003), *Nghiên cứu điều hành thực trạng luật hồi ty thời Joseon* [5]; Luận án tiến sĩ bảo vệ tại Trường Đại học Đông Gook, Seoul [6]. Các bài viết đã bước đầu khảo cứu những nội dung chính của chế độ tương ty, song chưa có sự đánh giá đúng mức những ưu điểm, hạn chế của chế độ này và tất nhiên, chưa có sự so sánh với chế độ hồi ty thực hiện ở Trung Quốc, Việt Nam.

Riêng chế độ hồi ty Việt Nam cũng đã được một số nhà nghiên cứu đề cập trong một số bài viết và sách tham khảo như: Bùi Huy Khiên (2004), *Tuyển chọn, kiểm tra, giám sát công chức dưới triều Lê Thánh Tông*, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 3, tr.11-17 [7]; Phạm Thuỷ (2006), *Tìm trong vốn cổ: Luật Hồi ty*, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 1, tr.49 [8]; Nguyễn Thị Thu Hòa (2020), *Chế độ quan lại triều Lê Sơ (1428-1527) và những giá trị tham khảo cho cải cách chế độ công vụ, công chức ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội [9]. Các công trình nghiên cứu này đã tìm hiểu khá kĩ về chế độ hồi ty được áp dụng lần đầu tiên dưới thời vua Lê Thánh Tông. Đây là cơ sở quan trọng để tác giả có thể liên hệ, so sánh và tìm ra những nét tương đồng, khác biệt trong chế độ tương ty thời vua Sejong và chế độ hồi ty thời vua Lê Thánh Tông.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chế độ tương ty trong luật pháp đầu thời Joseon

Năm 1392, vua Thejo (1392 - 1399) - ông nội của vua Sejong ngay sau khi lên ngôi vua đã công bố thành lập triều đại mới trước toàn thiên hạ và quy định, tên nước cứ theo Goryeo như trước và nghi thức và chế độ cũng vẫn giống như thời Goryeo. Theo đó, chế độ hồi ty cũng đã được thi hành giống như thời Goryeo. Vương triều Joseon cũng đã mượn từ *Đại Minh luật* những điều khoản phù hợp với tình hình đất nước, đồng thời đã dịch và chú thích *Đại Minh luật* thành *Đại Minh luật trực giải*. Trong quá trình áp dụng *Đại Minh luật* có điều gì không phù hợp và cần bổ sung thêm thì vua ra chỉ dụ riêng. Các chế độ hành chính và pháp lệnh do vua ra chỉ dụ dần gom lại để biên soạn, tổng hợp thành *Kinh quốc đại điển*. Đây là bộ pháp điển tổng hợp gồm 6 điển (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công) được biên soạn từ năm 1460, hoàn thành vào năm 1476 và in xong vào năm 1485. Về sau, nhiều bộ luật đã được biên soạn mới nhưng bộ luật cơ bản nhất thời Joseon vẫn là *Đại Minh luật* và *Kinh quốc đại điển*.

2.1.1. Các quy định về tương ty trong *Kinh quốc đại điển*

Các quy định về tương ty trong *Kinh quốc đại điển* về cơ bản được trình bày ở phần *Lại điển*. Nội dung chính như sau: Các quan lại trung ương và địa phương có người trong dòng họ là người phải để tang 9 tháng (đại công) và con rể, cháu rể, chồng chị gái, chồng em gái; trong ngoại tộc là người phải để tang 3 tháng (ty ma); trong vợ tộc là bố vợ, ông vợ, chồng chị vợ, chồng em gái vợ, anh vợ, em trai vợ đều phải tương ty [2; 143]. Trong điều này có ghi chép về các quan chức là những đối tượng áp dụng chế độ tương ty, theo đó có thể phân thành 3 loại: các quan chức phụ trách về nhân sự, các quan chức phụ trách đàn hạc và pháp sự, các quan phụ trách binh quân.

Đáng lưu ý là trong quan chế Joseon có nhiều cơ quan phụ trách việc quân sự như Tạo Binh, Đô Tổng Phủ, Ngũ Vệ, Nội Cẩm Vệ. Nếu các trưởng quan phụ trách việc quân sự có quan hệ thân tộc thì có nguy cơ xảy ra phân loạn, do đó giữa các trưởng quan việc quân phải thực

hiện chế độ tương ty. Ngoài ra, ở phần *Lại điển* còn ghi chép các trường hợp ngoại lệ không phải tuân thủ luật tương ty, bao gồm học quan (những quan làm việc trong trường học địa phương), quan võ, các đường thượng quan (tức các quan trên chánh tam phẩm). Đối với các quan trong Thừa chính viện - cơ quan phụ trách xuất nạp lệnh của vua cũng có quy định riêng. Trong Thừa chính viện có 6 thừa chỉ (Lại phòng, Lộ phòng, Lễ phòng, Binh phòng, Hình phòng, Công phòng) tương ứng với 6 tào. Lại tào trong 6 tào có chức nhiệm phụ trách về nhân sự nên nếu người có quan hệ thân thuộc với các quan trong Lại tào thì không bổ nhiệm Lại phòng thừa chỉ. Tương tự, binh phòng thừa chỉ trong Thừa chính viện với binh tào cũng vậy.

Điều mục thứ 2 trong *Kinh quốc đại điển* là “chư khoa” (điều về các loại khoa thi) thuộc *Lễ điển*. Nội dung điều này được ghi rõ: Trường thi phải làm 2-3 chỗ, trường hợp có quan hệ tương ty giữa thí sinh và quan giám thi thì thí sinh phải đến chỗ khác ứng thí. Trường hợp bỏ tham dự kỳ thi Hội thì con phải thực hiện tương ty [2;188].

Mục thứ ba ghi chép về tương ty trong *Kinh quốc đại điển* là *tư tiện* (nô tỳ cá nhân) thuộc *Hình điển*. Người thừa kế nô tỳ, đất đai, nhà ở thì phải đăng kí, sau đó nhận giấy xác nhận: “Nếu quan địa phương nơi đăng kí có quan hệ tương ty thì cần tránh, phải đăng kí với quan ở nơi khác” [2;449].

2.1.2. Các quy định về hồi ty trong Đại Minh Luật

Trong thời kỳ Joseon, *Đại Minh luật* là công cụ pháp điển được sử dụng trực tiếp. Trong quá trình thực hiện, nếu có điều khoản chưa phù hợp thì triều đình sẽ cho phép thay đổi để phù hợp với tình hình cụ thể của đất nước. Các điều khoản không phù hợp và có thay đổi được ghi chép lại trong *Hình điển*.

Trong *Đại Minh luật* cũng dùng thuật ngữ hồi ty thay vì tương ty [4; 49]. Điều 358 trong bộ luật này quy định hồi ty đối với thính tụng quan, tức các quan lại phụ trách việc tố tụng. Nếu đối tượng thính tụng quan phải chịu hồi ty khi có quan hệ với thân tộc phải để tang (xếp theo các bậc trăm thoi, tự thoi, đại công, tiểu công, ty ma), người thông gia, thầy trò, có người oán hận thì dù đang dở công việc tố tụng cũng phải đưa sự kiện tố tụng này đến quan nha khác. Nếu vi phạm điều này, có thể bị xử phạt đánh 40 roi. Ngoài điều trên ra, chúng tôi không tìm thấy quy định khác liên quan đến hồi ty. Tuy nhiên, có thể thấy được rằng đối tượng áp dụng tương ty của *Kinh quốc đại điển* ở trên và đối tượng áp dụng hồi ty thính tụng quan của *Đại Minh luật* có sự khác biệt lớn. Tương ty trong *Kinh quốc đại điển* có đối tượng là thân tộc, còn hồi ty thính tụng quan trong *Đại Minh luật* có phạm vi đối tượng rộng hơn, không chỉ thân tộc, mà tính cả đến gia môn sau khi thành thân, người có quan hệ thầy trò, hận thù nhau.

2.1.3. Các loại hình tương ty (hồi ty) trong bộ luật thời đầu Joseon

Trên đây đã giới thiệu các điều mục về tương ty trong *Kinh quốc đại điển* và hồi ty trong *Đại Minh luật* được áp dụng vào đầu thời kỳ Joseon. Trên cơ sở này có thể phân chia cái loại hình tương ty theo các quan chức như dưới đây [4; 49].

Tương ty Ngoại quan (quan làm việc tại các địa phương)	Tương ty Kinh quan (quan làm việc tại kinh đô)	
	Tương ty cho quan chức thường	
	Tương ty cho quan chức đặc biệt	Chính tào quan (quan thuộc Lại tào và Binh tào phụ trách việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các quan văn và quan võ)
		Tụng quan (quan phụ trách việc tố tụng, xét xử)
		Thí quan (quan phụ trách việc thi cử, khảo khóa)
Ngôn quan (quan làm việc trong Tư hiến phủ và Tư gián viện, phụ trách can gián vua và đàn hặc quan lại)		

Ngoài các quan thuộc đối tượng tương ty ở trên, trừ các quan sát sứ (đường thượng quan) đứng đầu các đạo không thuộc đối tượng áp dụng tương ty, còn lại các thủ lĩnh (tức quan lại địa

phương dưới quan sát sứ) phải thực hiện chế độ tương ty. Nội dung tương ty cho quan lại các cấp ở địa phương quy định trong *Kinh quốc đại điển* không khác với tương ty cho kinh quan và không có điều mục riêng cho ngoài quan. Tương ty ngoài quan vốn là chế độ không bổ nhiệm quan lại đến quê mình và thân tộc phải tránh làm quan lại địa phương cùng một chỗ. Từ thời kỳ Goryeo đã áp dụng chế độ tương ty đối với ngoài quan và đến thời Joseon được áp dụng tăng lên [5; 44-45].

2.2. Thực trạng triển khai chế độ tương ty dưới thời Sejong

2.2.1. Sửa đổi chế độ tương ty

Theo ghi chép trong *Triều Tiên vương triều thực lục*, từ năm thứ 10 đến năm thứ 14 thời vua Sejong trị vì (giai đoạn 1428 - 1432), nhà vua đã ra chỉ dụ cho nghiên cứu về luật liên quan đến chế độ tương ty thời Goryeo và của Trung Quốc. Vào năm Sejong thứ 10 (1428), tào Lễ có trình tâu vua về sự cần thiết của việc sửa đổi luật tương ty và đã quyết định thay đổi tạm thời. Đến năm Sejong thứ 12 (1430), Sejong đã chỉ trích những tệ nạn liên quan đến luật tương ty thời bấy giờ bị phơi bày và yêu cầu thay đổi luật tương ty cho phù hợp với tình hình thực tế. Do đó, vào năm Sejong thứ 14 (1432), hầu hết đối tượng và phạm vi áp dụng chế độ tương ty đều đã được sửa đổi. Do không có luật tương ty đối với đối tượng quan lại đảm nhận công việc hành chính nhân sự nên vua Sejong đã hạ lệnh nghiên cứu luật này và quyết định mở rộng đối tượng áp dụng tương ty cho đến thôn thứ tư. Ở đây, thôn là từ chỉ quan hệ thân tộc: cha - con là một thôn; anh - em, ông - cháu là hai thôn; chú, bác - cháu là ba thôn; anh em họ là bốn thôn.

Điều này có nghĩa là khi chế độ tương ty áp dụng đối với Chính tào quan được đưa vào lần đầu, những người có quan hệ trong bốn thôn với quan lại thuộc Lại Tào và Binh Tào sẽ không được ra làm quan. Sau đó, vào ngày 19 tháng 4 năm Sejong thứ 14 (1432), Binh Tào có kiến nghị cần phải tương ty và được chính thức chế độ hóa tương ty trong khi đánh giá các trận thi đấu võ thuật của binh sĩ, đặc biệt đối với những trường hợp các môn thi khó đánh giá khách quan, khả năng cao sẽ xảy ra gian lận.

Sau năm Sejong thứ 14 (1432), chế độ tương ty đã được hoàn thiện hơn căn cứ vào tình hình cụ thể. Vào năm Sejong thứ 17 (1435), liên quan đến việc khoa cử còn có hiện tượng lợi dụng quan hệ thân thuộc nên triều đình đã hạ lệnh bãi nhiệm giám thị, buộc các thí sinh có quan hệ thân thuộc không được tham gia thi [10]. Quyết định này ở một góc độ nhất định đã hạn chế hiệu quả việc tuyển dụng nhân tài thông qua thi cử khi giữa quan giám thị và thí sinh có mối quan hệ tương ty, không chỉ riêng trong các kì thi văn khoa mà cả kì thi võ khoa.

Tuy nhiên, đến năm Sejong thứ 19 (1437), Nghị chính phủ (cơ quan hành chính tối cao do ba Tể tướng đứng đầu) đã kiến nghị nếu không cho thí sinh có tương ty tư cách tham gia khoa cử thì sẽ không thể trưng dụng được người tài nên đã có đề xuất thành lập chỗ trường thi dành riêng cho thí sinh có quan hệ tương ty với giám thị theo chế độ của nhà Tống bên Trung Quốc, chia trường thi thành 2 nơi để tiến hành khoa thi [10]. Đối với kỳ thi võ khoa, theo ghi chép năm Sejong thứ 23 (1441), vì không có luật về chỗ trường thi riêng cho thí sinh có quan hệ tương ty với giám thị nên nếu Binh Tào không cho phép thí sinh dự thi thì sẽ không chọn được người tài. Do đó, việc các quan phụ trách đề xuất bãi nhiệm giám thị để thí sinh được đi thi đã dần được chấp nhận. Nghĩa là, đối với các vấn đề tuyển chọn nhân tài liên quan đến chế độ tương ty của giám thị, văn khoa đã giải quyết bằng cách thiết lập hai trường thi, còn kỳ thi võ khoa đã điều chỉnh đề giám thị hồi ty.

Như trình bày ở trên, vua Sejong đã nghiên cứu chế độ tương ty của Trung Quốc và triều đại trước để thiết lập chế độ thích hợp với tình hình Joseon thời bấy giờ. Đặc biệt, vua Sejong đã ban hành quy định mới về chế độ tương ty liên quan đến bổ nhiệm, miễn nhiệm quan lại chưa từng có trong các vương triều trước [10]. Trường hợp áp dụng chế độ tương ty đối với giám thị của văn khoa sẽ thiết lập hai điểm thi, còn võ khoa thi đầu tiên đã hồi ty thí sinh, nhưng sau đó chuyển sang hồi ty giám thị. Nguyên tắc này dưới thời Sejong về sau đã được pháp điển hóa, phản ánh trong *Kinh quốc đại điển*.

2.2.2. Viện thi hành trên thực tế chế độ tương ty

Đối với một số lĩnh vực đặc thù hoặc trong quân ngũ, có thể xảy ra việc không bổ nhiệm được người thích hợp do vướng phải tương ty, ví dụ như trường hợp của Ty Thủy Giám. Vào thời đầu Joseon, Ty Thủy Giám là cơ quan phụ trách đóng và sửa chữa chiến hạm, và giám sát công việc liên quan đến vận chuyển. Năm 1403, cơ quan này đã sáp nhập vào Ty Tể Giám (cơ quan phụ trách các việc có quan hệ với biển, sông, núi, hồ, ao). Tuy nhiên, vào tháng 12 năm Sejong thứ 14 (1432), vì lo rằng công việc liên quan đến chiến hạm sẽ kém hiệu quả nên Lại Tào đã trình vua đề xuất việc xây dựng lại cơ quan chuyên nhiệm về chiến hạm. Khi đó, “phần quản lí lại thuộc về quân vụ nên các quan đã đề xuất vua nếu có người thích hợp, thì cứ bổ nhiệm, bất luận có tương ty hay không, và nhà vua đã làm theo như vậy” [10]. Trong quá trình thực tế thi hành chế độ tương ty, để không phát sinh một số hạn chế như không tuyển chọn được người tài, tùy theo từng trường hợp mà áp dụng các ngoại lệ.

Ví dụ sau đây cho thấy việc áp dụng những trường hợp ngoại lệ của chế độ tương ty. Theo ghi chép ngày 5 tháng 10 năm Sejong thứ 23 (1441), Ha Gyeul đã được bổ nhiệm lên chức Chương lệnh (hàm chánh tứ phẩm) của Tư hiến phủ. Vì Ha Gyeul là em ruột của Ha Yeon - người giữ chức kiểm phán sự (hàm chánh tam phẩm) chuyên trách nghiệp vụ bổ nhiệm quan lại của Tào Lại. Do đó, Tư hiến phủ đã dâng sớ trình vua đề xuất xử phạt kẻ được bổ nhiệm và thay thế người khác. Tuy nhiên, nhà vua đã không phê chuẩn và vẫn cho bổ nhiệm [10].

Một trường hợp khác: Ngày mùng 7 tháng 1 năm Sejong thứ 24 (1442), Tư hiến phủ lại dâng sớ xin rút lại việc bổ nhiệm Yoon Sam San - người mới được thăng chức làm Chương lệnh. Tư hiến phủ cho rằng, khi nhìn vào lịch sử xưa của nước Tống, họ hàng của các quan chức không được phép bổ nhiệm lên làm ngôn quan [10]. Mặc dù không có luật nào yêu cầu tất cả những đối tượng này phải thực hiện chế độ tương ty, nhưng những trường hợp như vậy vẫn bị Tư hiến phủ đứng ra luận tội. Trong trường hợp của Yoon Sam San, tuy không phải đối tượng áp dụng luật tương ty nhưng theo chế độ nhà Tống, nếu có họ hàng trong Tư hiến phủ và Lại Tào (mà lại là người có bổ nhiệm nhân sự trong Tào Lại) thì sẽ không được bổ nhiệm làm ngôn quan.

Thông qua hai trường hợp nêu trên, có thể thấy rằng chế độ tương ty đã dần dần được áp dụng nghiêm ngặt và rộng rãi hơn. Vì ngôn quan là người thực hiện nhiệm vụ giám sát và luận tội các cơ quan khác nên để thực hiện công việc một cách công bằng thì cần áp dụng nguyên tắc tương ty một cách nghiêm ngặt hơn.

2.2.3. Một số hạn chế của chế độ tương ty

Chế độ tương ty nhằm ngăn chặn tình trạng không tuân thủ trong công việc, hoặc tiếp tay cho những hành vi sai trái do các mối quan hệ cá nhân. Tuy nhiên, đôi khi nguyên tắc này cũng tạo ra một số mặt trái.

Trên thực tế, nhà vua có quyền bổ nhiệm quan văn võ từ tam phẩm trở lên bằng đặc chỉ (mệnh lệnh đặc biệt, không cần các thủ tục thông thường). Mặc dù nhà vua không trực tiếp làm công việc bổ nhiệm nhưng lại giao cho Lại Tào thực hiện quy trình từ đặc chỉ của mình. Ngày mùng 4 tháng 12 năm Sejong thứ 17 (1435), nhà vua ra lệnh cho Lại Tào Lại và Bình Tào điều tra lại tất cả những người được bổ nhiệm mặc dù trước đó có đặc chỉ [10]. Ngày 23 tháng 7 năm Sejong thứ 20 (1438), triều đình cũng ban lệnh tương tự: Từ nay về sau, dù có đặc chỉ đi chăng nữa thì nhất định không được bổ nhiệm ngay những người không phân biệt được yếu điểm, sai phạm [10]. Nguyên nhân là do ngày 28 tháng 7 năm Sejong thứ 19 (1437), có trường hợp lấy có “đặc chỉ” của nhà vua để tránh chế độ tương ty rồi được bổ nhiệm làm quan.

Ngoài ra, một hạn chế nữa là quan lại lấy có thực hiện nguyên tắc tương ty mà trốn tránh hoặc không thi hành công việc một cách nghiêm chỉnh. Theo ghi chép trong *Triều Tiên vương triều thực lục*, ngày 30 tháng 1 năm Sejong thứ 30 (1448), viên quan chuyên trách việc xét xử nô tỳ đã mượn có có quan hệ thân thuộc để rồi hoãn việc tố tụng, gây ra thiệt hại. Người này sau đó đã phải chịu xét xử và chịu phạt (thủ phạm phạt 100 trượng, tòng phạm phạt 90 trượng) [10].

Trước đó, vào ngày mùng 1 tháng 11 năm Sejong thứ 9 (1427) cũng đã xảy ra trường hợp tương tự khi viên quan phụ trách việc xét xử vụ kiện giữa các gia đại tộc về tranh chấp nô tỳ đã xử lí quá lâu vì không muốn gánh trách nhiệm. Viên quan này mặc dù không hề có quan hệ vi phạm nguyên tắc tương ty nhưng lại cố tình nói dối là có để rồi lấp liếm cho qua [10]. Hai trường hợp trên đều là những vụ việc cố ý phạm tội giống nhau liên quan đến công việc tố tụng dưới thời vua Sejong trị vì. Hình thức phạm tội đều lấy tương ty làm có hoặc giả mạo nguyên tắc tương ty mà phạm tội. Điều đặc biệt là, những hạn chế phát sinh từ việc thực hiện chế độ tương ty liên quan đến kiện tụng dường như đã xảy ra nhiều lần và gây ra nhiều hệ lụy dưới thời Sejong. Ghi chép trong *Triều Tiên vương triều thực lục* vào ngày 8 tháng 10 năm Sejong thứ 30 (1448) cho biết, “người tố tụng lấy lí do phải tương ty mà kéo dài thời gian, không chịu phán quyết, có khi kéo đến 10 hoặc 20 năm” [10].

Mặt khác, trong việc bổ nhiệm quan lại, chế độ tương ty đã có tác dụng nhất định ngăn chặn không cho bổ nhiệm người có quan hệ thân thuộc để phòng ngừa các hành vi bất chính của quan lại. Tuy nhiên, do thi hành một cách xơ cứng nguyên tắc tương ty nên đôi khi cũng phát sinh các trường hợp không thể trung dụng được nhân tài. Sử liệu ghi chép ngày 23 tháng 2 năm Sejong thứ 12 (1430) cho biết: Vào cuối triều đại trước, luật tương ty thực sự rất rắc rối, phức tạp, và đến cả họ hàng 7,8 đời khác họ cũng vẫn phải tránh tương ty nên có nhiều trường hợp các vụ ngục tụng bị trì hoãn, đình trệ, càng để lâu lại càng khó xử, nhưng nếu như không có luật tương ty, một người trong sạch sẽ không tự rơi vào tình cảm cá nhân, việc xét xử sẽ dễ dàng hơn, nhưng người thuộc tầng lớp hạ lưu có thể sẽ chịu phán xét không công bằng [10]. Thông tin này có ý chỉ trích việc thực hiện nguyên tắc tương ty quá máy móc đã cản trở việc trung dụng những nhân tài liêm chính, ngay cả khi họ không vi phạm nguyên tắc tương ty trên thực tế vì mối quan hệ đã trải qua nhiều đời. Vua Sejong về sau cũng tự nhận thấy rằng chế độ tương ty dù góp phần ngăn chặn hành vi bất chính của quan lại nhưng lại ngăn cản việc tuyển dụng những nhân tài xuất sắc.

Những quan chức phụ trách việc bổ nhiệm quan lại trong Lại Tào và Binh Tào khi vi phạm chế độ tương ty thường bị các ngôn quan luận tội. Ngày 24 tháng 4 năm Sejong thứ 14 (1432), triều đình bắt đầu cải thiện chế độ tương ty: Tư gián viện - cơ quan phụ trách ngôn luận, can gián nhà vua đã luận tội các quan Lại Tào vi phạm luật tương ty. Kết quả, các quan viên trong Lại Tào, đứng đầu là Tả Nghị Chính (hàm chánh nhất phẩm thuộc Nghị chính phủ) đã bị biếm chức. Vua Sejong sau đó đã ra lệnh cho phép họ quay trở lại làm việc bình thường và lệnh cho Tư gián viện không được luận tội nữa [10]. Theo ghi chép trong *Triều Tiên vương triều thực lục*, ngày 19 tháng 6 năm Sejong thứ 20 (1438), Tư gián viện đã trình lên vua lệnh luận tội cả người bổ nhiệm và người được bổ nhiệm trong vụ anh họ của viên quan Tham nghị (hàm chánh tam phẩm) trong bộ Lại đã vi phạm luật tương ty nhưng nhà vua lại không phê chuẩn [10]. Về sau, mặc dù Tư gián viện đã nhiều lần dâng sớ xin thi hành nghiêm khắc luật tương ty đối với quan lại các cấp nhưng nhà vua lại cho rằng cần phải áp dụng luật tương ty một cách linh hoạt, tránh cứng nhắc [10]. Qua ghi chép ngày 5 tháng 10 năm Sejong thứ 23 (1441), có thể thấy vua Sejong đã đặc xét các trường hợp ngoại lệ khi nhận thấy việc áp dụng nguyên tắc tương ty quá cứng nhắc: “Trong việc của Lại Tào, lời các người nói rất đúng. Tuy nhiên, không phải ta đã dùng sai người được bổ nhiệm do bị Tào Lại lừa, ta đã biết rõ tất cả và rồi mới bổ nhiệm. Hơn nữa, ta đã ban ơn rộng rãi, sao có thể rút lại được. Từ giờ đương nhiên ta sẽ thận trọng” [10].

2.3. Một vài liên hệ với chế độ hồi ty thời vua Lê Thánh Tông

Trong lịch sử Việt Nam, chế độ hồi ty được áp dụng có nhiều điểm tương đồng so với chế độ tương ty trong lịch sử Hàn Quốc. Theo các nghiên cứu gần đây, có lẽ vua Lê Thánh Tông là người đầu tiên thiết lập và thi hành luật Hồi ty.

Trong *Quốc triều hình luật* có hai điều sau ghi rõ về việc thực hiện chế độ hồi ty đối với các quan phụ trách việc thi cử, khảo khóa và quan xét xử ngục tụng:

Điều luật thứ 98 viết: Các quan chủ ty chấm thi cùng với người dự thi có thân thuộc, cần phải hồi ty mà không từ chối thì phạt 50 roi biếm một tu...[11; 59]

Điều luật thứ 689 quy định: Những người đi kiện hay bị kiện xin tránh ngục quan thì giao cho các quan Viện Thảm hình hội đồng xét hỏi. Nếu xét sự lí đáng cho tránh ngục quan ấy mới được phép giao sang ty khách xét xử. Nếu bản ty vì tình ý riêng mà cố giữ việc để xét thì xử phạt hay biếm, ngục lại cũng bị tội như thế [11; 215].

Xét về nội dung hai điều luật này, có thể tìm thấy những quy định tương tự trong pháp luật thời vua Sejong. Xem xét cụ thể nội dung trong điều luật thứ 98 của *Quốc triều hình luật* có thể thấy, luật pháp thời Lê Thánh Tông yêu cầu khi có thân tộc đi thi thì quan chủ khảo, phó chủ khảo bắt buộc phải hồi ty. Có thể nói điều này tương ứng với nguyên tắc tương ty đối với khảo quan trong các kì thi dưới thời Joseon. Quy định này đã góp phần giúp cho chế độ khoa cử được thực hiện một cách nghiêm chỉnh, ngăn chặn những hành vi bất chính trong việc lựa chọn quan lại dưới thời hai vị vua nắm quyền.

Nội dung điều luật thứ 689 trong bộ *Quốc triều hình luật khi so sánh* với điều luật thứ 358 trong *Đại Minh luật* cũng có điểm giống nhau khi cùng nêu rõ phạm vi áp dụng hồi ty có thể nằm ngoài thân tộc. Tất nhiên, hai điều luật này cũng có điểm khác biệt nhất định khi luật pháp thời vua Lê Thánh Tông có nhấn mạnh việc quan lại khi có lí do thích đáng thì có thể chủ động đăng kí hồi ty.

Trong bộ *Quốc triều hình luật* thời Lê Sơ còn có hai điều khác quy định về chế độ hồi ty quan lại ở địa phương.

Điều luật thứ 316 cho biết: Các quan ty ở trần ngoài mà lấy đàn bà con gái ở trong hạt mình thì xử phạt 70 trượng, biếm ba tư và bãi chức [11; 112].

Điều luật thứ 334 lại viết: Các quan ty mà cùng với những người tù trưởng ở nơi biên trấn kết làm thông gia thì phải tội đồ hay lưu và phải ly dị; nếu lấy trước rồi thì xử đoán khác [11; 116].

Hai điều khoản trên về nguyên tắc hồi ty cho thấy mục đích của triều đình thời Lê Thánh Tông nhằm ngăn chặn tình trạng quan lại địa phương kết hôn với phụ nữ trong hạt để kết tạo liên minh, giúp khống chế các thế lực tại địa phương. Quy định này cũng được chép trong sách *Đại Việt sử kí toàn thư*: “Ngày 22 (tháng 5, năm 1486), cấm quan lại nhận chức ở ngoài lấy đàn bà con gái trong bộ hạt của mình” [12; 500]. Quy định này khi soi chiếu với nội dung điều luật thứ 116 trong *Đại Minh luật* cũng sẽ thấy có nội dung tương đồng khi luật pháp thời Sejong cũng cấm quan lại được kết hôn lấy phụ nữ trong bản hạt của mình.

Ngoài ra, khảo cứu trong *Đại Việt sử kí toàn thư* sẽ thấy một số quy định khác cho thấy nguyên tắc hồi ty dưới thời Lê Sơ. Tháng 9 năm 1488, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu quy định: “Từ nay, các quan phủ, huyện, châu xét đặt Xã trưởng, hễ là anh em ruột, anh em con chú con bác và bác cháu, cậu cháu với nhau thì cho 1 người làm Xã trưởng, không được cho cả hai cùng làm để trừ mỗi tề bè phái hòa nhau” [12; 503]. Quy định này đã được nâng lên một mức vào năm 1496: “Tháng 8 (năm 1496), ngày mùng 2, [triều đình] có lệnh cho châu huyện chọn đặt Xã trưởng; Nếu là con cô cậu, đôi con dì với nhau và thông gia cùng gả bán cho nhau đều không được cùng làm Xã trưởng trong một xã. Nếu đã có Xã trưởng rồi, cũng nên chọn người nào có thể làm được việc thì lưu lại, còn thì tâu lên để cho về hạng cũ [12; 515]. Hai đoạn sử liệu ghi chép này quy định rõ khi quan lại châu, huyện thực hiện việc bổ nhiệm Xã trưởng thì không được phép đưa người có cùng quan hệ huyết thống lên làm, do đó có điểm tương đồng với luật tương ty quan địa phương thời Joseon.

Cuối thời vua Lê Thánh Tông (năm 1497) còn có quy định: Các viên quan quân, quản dân ở Nghệ An, nếu người nào có quê quán ở ngay phủ, huyện mình cai trị, có nhà ở gần nha môn mình làm việc, thì bộ Lại điều động đi nơi khác để chọn người khác bổ nhiệm thay thế [12; 525]. Trong thời kỳ Joseon, mặc dù không tìm thấy quy định thành văn liên quan đến nguyên tắc tương ty xa quê với các quan địa phương [3; 43] giống như thời Lê Thánh Tông như trên.

Tuy nhiên, khảo cứu những ghi chép sau thời Sejong thì thấy đã từng có vụ việc người được bổ nhiệm quan tại trên chính quê hương mình nhưng sau này lại bị Tư gián viện luận tội và người này đã tự xin được chuyển đi nơi khác [10]. Đây là điểm tương đồng có thể nhận thấy rõ khi so sánh về việc thực thi nguyên tắc hồi/tương ty dưới hai triều vua. Ở khía cạnh khác biệt, có thể thấy rõ đối tượng áp dụng chế độ tương ty ở Hàn Quốc chủ yếu là các quan hệ thân tộc, trong khi đối tượng áp dụng chế độ hồi ty của Việt Nam có phạm vi rộng hơn, bao gồm cả thân tộc, đồng hương, thầy trò và bằng hữu.

3. Kết luận

Thông qua nội dung khảo cứu trên, có thể rút ra một số đặc trưng của chế độ tương ty dưới thời vua Sejong như sau.

Thứ nhất: Chế độ tương ty dưới thời Joseon có thể được phân chia ra thành “tương ty kinh quan” và “tương ty ngoại quan”, “tương ty chính tào” liên quan đến bổ nhiệm quan lại theo từng cấp bậc, “tương ty tưng quan” liên quan kiện tụng và tố tụng, “tương ty thí quan” liên quan đến các kỳ thi và “tương ty ngôn quan” liên quan các viên quan trực thuộc Tư hiến phủ và Tư gián viện.

Thứ hai: Trong giai đoạn cầm quyền của Sejong, nhà vua đã cho nghiên cứu chế độ tương ty thời Goryeo và của Trung Quốc để cải thiện cho phù hợp với triều đại của mình và liên tục có sự cập nhật, hoàn thiện trong quá trình thực thi. Khi vận dụng nguyên tắc tương ty, nhà vua cho phép loại bỏ đối với các quan viên thuộc lĩnh vực quân sự và một số lĩnh vực cụ thể khác hoặc có thể mở rộng phạm vi tương ty đối với các trường hợp là ngôn quan.

Thứ ba: Chế độ tương tự khi thi hành không tránh khỏi những hạn chế nhất định như việc giới hạn phạm vi bổ nhiệm quan lại, đôi khi trở thành vật cản gây trở ngại đến quá trình tuyển dụng, bổ nhiệm những nhân tài xuất sắc. Một số trường hợp các quan lại phụ trách việc xét xử, tố tụng đã cố ý dựa vào nguyên tắc tương ty để trễ nải công việc, gây ảnh hưởng đến hiệu quả công việc.

Thứ tư: Liên hệ với chế độ hồi ty được thi hành lần đầu tiên dưới thời vua Lê Thánh Tông, không khó để nhận ra đối tượng áp dụng chế độ này ở Đại Việt bao gồm cả thân tộc, đồng hương, thầy trò và bằng hữu. Trong khi đó, đối tượng áp dụng chế độ tương ty ở Hàn Quốc chủ yếu xoay quanh các quan hệ thân tộc và còn có một số trường hợp được ngoại trừ.

Trong *Quốc triều hình luật* thời Lê Sơ có một số điều khoản liên quan đến quy định hồi ty đối với quan lại phụ trách thi cử và xét xử, quy định bổ nhiệm quan lại ở địa phương. Khi so sánh các quy định này với các chế tài được pháp điển hóa dưới thời vua Sejong dễ thấy có nhiều điểm tương đồng. Có thể nói, dù được diễn giải bằng hai thuật ngữ khác nhau nhưng chế độ tương ty/hồi ty dưới hai triều vua vẫn có nhiều điểm tương đồng và còn có ảnh hưởng đến chế độ quan chế của hai quốc gia ở những thời kỳ sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Encyclopedia of Korean culture*, mục từ 상피제 (相避制): <http://encykorea.aks.ac.kr/Search/List>, truy cập ngày 2 tháng 8 năm 2021.
- [2] *Kinh quốc đại điển* (bản dịch, 1998). Nxb Shin Seo Won, Seoul (윤국일 (1998), *신편 경국대전*, 신서원, 서울).
- [3] Han Sang Jun, 1975. “Nghiên cứu về tương ty thời Joseon – trung tâm quan chức”. *Sử học Dae Gu* Vol 9, Dae Gu (한상준 (1975), *朝鮮朝의 相避制에 對하여-관직을 중심으로*, 대구사학 제 9집, 대구).

- [4] Park Cheon Woo, Lee Ghi Myong, 2000. “Sự triển khai và tác dụng của luật hồi ty thời đầu Joseon”. *Tạp chí khoa học Jang An* Vol 20 số 1, pp. 43-72, Seoul (박천우 이기명 (2000), 朝鮮前期 相避制 展開와 機能, 장안논총 제20권 1호, pp. 43-72, Seoul).
- [5] Lee Seong Mu, 2003. *Nghiên cứu Yang Ban thời đầu Joseon*. KSI Thông tin khóa học Hàn Quốc, Seoul (이성무 (2003), 조선초기 양반 연구, KSI 한국 학술정보, 서울).
- [6] Lee Ghi Myong, 2003. *Nghiên cứu điều hành thực trạng luật hồi ty thời Joseon*. Luận án tiến sĩ Trường Đại Học Đông Gook, Seoul (이기명(2003)5, 조선시대 상피제의 운영실태 연구, 동국대학교 박사논문, 서울).
- [7] Bùi Huy Khiên, 2004. Tuyển chọn, kiểm tra, giám sát công chức dưới triều Lê Thánh Tông, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 3, tr.11-17.
- [8] Phạm Thuỷ, 2006. Tìm trong vốn cổ: Luật Hồi ty, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 1, tr.49.
- [9] Nguyễn Thị Thu Hòa, 2020. *Chế độ quan lại triều Lê sơ (1428-1527) và những giá trị tham khảo cho cải cách chế độ công vụ, công chức ở Việt Nam hiện nay*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [10] Triều Tiên vương triều thực lục (bản điện tử), <http://sillok.history.go.kr/main/main.do;jsessionid=71CA2F19E2BC9D3D60A31C2774B75BB3>, truy cập ngày 2 tháng 8 năm 2021
- [11] *Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê)*, 1995 (bản dịch). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [12] *Ngô Sỹ Liên và các sử thần thời Hậu Lê*, 1998. *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

ABSTRACT

The avoidance system (Tương ty) of King Sejong's reign (1418-1460) and some comparisons with the avoidance system (Hồi ty) of King Le Thanh Tong's reign (1470-1497)

Shin Seung Bok

Postgraduate, Faculty of History, Hanoi National University of Education

The avoidance system in Korea started from Goryeo Dynasty (918-1392) and renovated during the King Sejong's reign of the Joseon Dynasty (1392-1910), codified in Gyeongguk Daejeon in 1476. In some cases, the avoidance system is widely applied, and in case of military affairs or specialized field were excluded from application. The avoidance system played a positive roles to strengthen the throne and prevent misconduct in public officials. But some times it makes public officials to do their work poorly by making an excuse to be a subject to application, and some times it was constraint factors to assign personnel to positions according to their ability. The avoidance system in Dai Viet started from the King Le Thanh Tong regin. The remarkable difference in the avoidance system between King Sejong's regin and Le Thanh Tong's reign is avoidance system in the field of a local officials in King Le Thanh Tong's reign more important than.

Keywords: King Sejong, King Le Thanh Tong, avoidance system, Gyeongguk Daejeon.